

### Phụ lục III

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC PHỤC VỤ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2012 - 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNV ngày /5/2024 của Sở Nội vụ)

| Năm          | Kết quả tự đánh giá được Bộ Nội vụ thẩm định |          | Kết quả điểm điều tra xã hội học         |          | Kết quả chung                             |          |        |          |
|--------------|--|----------|--|----------|---|----------|--------|----------|
|              | Tỷ lệ điểm                                   | Thứ hạng | Tỷ lệ điểm                               | Thứ hạng | Chỉ số                                    | Thứ hạng |        |          |
| 2012         | 77,41%                                       | 31       | 75,89%                                   | 48       | 76,84%                                    | 34       |        |          |
| 2013         | 78,23%                                       | 30       | 78,06%                                   | 49       | 78,15%                                    | 32       |        |          |
| 2014         | 87,26%                                       | 13       | 77,68%                                   | 51       | 83,62%                                    | 22       |        |          |
| 2015         | 89,52%                                       | 17       | 83,50%                                   | 20       | 87,23%                                    | 17       |        |          |
| 2016         | 82,26%                                       | 4        | 76,98%                                   | 49       | 80,84%                                    | 12       |        |          |
| Năm đánh giá | Tỷ lệ điểm                                   | Thứ hạng | Kết quả khảo sát người dân, doanh nghiệp |          | Kết quả khảo sát cán bộ, lãnh đạo quản lý |          | Chỉ số | Thứ hạng |
|              |  |          | Tỷ lệ điểm                               | Thứ hạng | Tỷ lệ điểm                                | Thứ hạng |        |          |
| 2017         | 91,12%                                       | 2        | 86,75%                                   | 62       | 72,80%                                    | 33       | 83,97% | 6        |
| 2018         | 86,13%                                       | 4        | 80,67%                                   | 42       | 70,98%                                    | 45       | 79,54% | 11       |
| 2019         | 86,53%                                       | 12       | 84,90%                                   | 34       | 68,38%                                    | 63       | 80,91% | 34       |
| 2020         | 91,24%                                       | 20       | 81,30%                                   | 50       | 72,30%                                    | 57       | 82,57% | 48       |
| 2021         | 92,23%                                       | 38       | 84,50%                                   | 55       | 82,38%                                    | 4        | 85,11% | 48       |
| 2022         | 90,52%                                       | 13       | 76,72%                                   | 53       | 82,73%                                    | 12       | 86,19% | 25       |
| 2023         | 93,52%                                       | 10       | 81,09%                                   | 43       | 83,71%                                    | 22       | 88,60% | 14       |

*Ghi chú:* Từ năm 2012-2016, Bộ Nội vụ chưa công bố riêng kết quả khảo sát cán bộ, lãnh đạo quản lý và Kết quả khảo sát người dân, doanh nghiệp